

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10 - TÂY NINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 482/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
Về việc: “Tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản”;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tòng Quân.
2. Ông Mai Trần Phúc .

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tuyền – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trần Tuyết Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1984; căn cước công dân số 072184000078 cấp ngày 07-12-2022; địa chỉ: Số H, hẻm D, đường C, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Dương Trọng Q, sinh năm 1980; căn cước công dân số 072080005387 cấp ngày 22-3-2023; địa chỉ: khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ái D, sinh năm 1984. Căn cước công dân số 0721820004623 cấp ngày 12-4-2022. Địa chỉ: khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền trình bày như sau:**

Vào khoảng tháng 12-2024, bà T có cho bà Nguyễn Thị Ái D có vay của bà T một số tiền, cụ thể các lần vay tiền của bà D như sau:

Lần 1 ngày 01-12-2024 DL: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thời hạn trả ngày 01-5-2025, mục đích vay dùng để chuộc xe ô tô biển số 70A-172.49, số tiền này đến ngày 01-5-2025 mới đến hạn trả tiền, bà T yêu cầu bà D trả lại số tiền này nhưng bà D cố tình không gặp mặt bà T để thanh toán số tiền này.

Lần 2 ngày: 13-12-2024 DL: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thời hạn trả ngày 22-01-2025, mục đích vay dùng vào việc điều trị bệnh cho mẹ. Đến nay đã quá hạn trả nhưng bà D vẫn không trả cho bà T, khi bà T liên hệ bằng điện thoại bà D không bắt máy, không trả lời tin nhắn, khi bà T xuống nhà bà D cố tình né tránh không gặp mặt.

Lần 3 ngày: 03-01-2025 DL: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thời hạn trả ngày 12-2-2025, mục đích vay dùng vào việc mua thuốc trị bệnh cho mẹ. Khoản tiền này bà T đã cho bà D trả dần theo từng ngày, nhưng bà D chỉ trả được 10 ngày (Mười ngày) và đến nay đã quá hạn trả nhưng vẫn không trả cho bà T khi bà T liên hệ bằng điện thoại bà D không bắt máy, không trả lời tin nhắn, khi bà T xuống nhà bà D cố tình né tránh không gặp mặt bà T.

Lần 4 ngày: 09-01-2025 DL 82.500.000đ (Tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng), cụ thể: Trong ngày vào khoảng 11 giờ trưa bà D hỏi mượn tôi 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để đưa mẹ đi bệnh viện, đến khoảng 22 giờ cùng ngày bà D mượn thêm 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), mục đích vay dùng vào việc đóng tiền tạm ứng cấp cứu cho mẹ. Tổng số tiền mượn trong ngày là 82.500.000đ (tám mươi hai triệu năm trăm triệu đồng) thời hạn trả ngày 22-01-2025. Nhưng sau đó, bà T biết mẹ bà D không có đi bệnh viện hay đóng tiền cấp cứu như lời bà D đã nói với bà T. Tổng số tiền bà D vay của bà T là 382.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) với lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng và bà D chưa đóng lãi từ khi mượn cho đến nay.

Sau nhiều lần vay tiền bà T như vậy, bà D có trả cho bà T được 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Hiện nay bà D còn nợ bà T số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng không trả. Bà T có Đơn khởi kiện bà D đến Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ái D trả cho bà T số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định 1,66%/tháng được tính như sau:

Đối với những lần mượn tiền vào ngày: 13-12-2024 DL: 50.000.000đ thời hạn trả ngày 22-01-2025; ngày 03-01-2025 DL: 50.000.000đ thời hạn trả ngày 12-2-2025; ngày: 09-01-2025 DL 82.500.000đ thời hạn trả ngày 22-01-2025, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01-3-2025 đến ngày 30-9-2025: $170.000.000 \times 1,66\% \times 06 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 19.659.900 \text{ đồng}$.

Đối với lần mượn tiền ngày 01-12-2024 DL: 200.000.000 đồng thời hạn trả ngày 01-5-2025. Yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01-6-2025 đến ngày 30-9-2025: $200.000.000 \times 1,66\% \times 03 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 13.169.300 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi: 19.659.900 đồng + 13.169.000 đồng = 32.829.200 đồng.

*** Bị đơn trình bày:**

Trong quá trình giải quyết công khai tài liệu, chứng cứ, hòa giải, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Ái D không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, lời trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ thủ tục theo quy định nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung:*

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp án phí, lệ phí đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Ái D phải trả cho bà Đoàn Thị Thanh T số tiền gốc còn nợ là 370.000.000.000 và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí: xác định nghĩa vụ chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về việc vắng mặt của đương sự trong vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 233, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[1.2] Về việc quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đoàn Thị Thanh T1 trình bày cho bà Nguyễn Thị Ái D vay tiền, có giấy nợ, thỏa thuận lãi suất trả nhưng không trả nên bà T1 khởi kiện. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tài liệu, chứng cứ thu thập trong vụ án; nội dung vụ án thể hiện:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 cung cấp cung cấp chứng cứ giấy nợ tiền ngày mượn tiền (bản gốc) và bà T1 trình bày bà D có ký, ghi tên trong giấy mượn tiền. Bà D không có mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là chứng cứ hợp pháp dùng giải quyết vụ án.

[2.2] Nội dung vụ án thể hiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T1 cung cấp cung cấp chứng cứ giấy nợ tiền, ngày mượn tiền (bản gốc) và bà T1 trình bày bà D có ký, ghi tên trong giấy mượn tiền. Bà D đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 là phù hợp.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh T theo hướng phân tích trên.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ái D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Ái D về “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ái D có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị Thanh T số tiền nợ là 402.829.200 (Bốn trăm lẻ hai triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm) đồng. Trong đó, tiền gốc là 370.000.000 (Ba trăm bảy mươi triệu) đồng, tiền lãi là 32.829.200 (Ba mươi hai triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong đối với các số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ái D phải chịu 20.113.000 (Hai mươi triệu, một trăm mười ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10) chỉ trả lại cho bà Đoàn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí 9.864.000 (Chín triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 008639 ngày 20-5-20245.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10;
- VKSND Khu vực 10 - Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Hi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Hiếu